

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HS-PT  
Ngày: 21- 03 - 2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tỉnh

*Các Thẩm phán:* Ông Tôn Văn Thông

Bà Nguyễn Thị Rên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thư Linh - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:**

Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2024/TLPT-HS ngày 25 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo **Bùi Hoàng A** do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2023/HS-ST ngày 14-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo bị kháng cáo: **Bùi Hoàng A** (Tên gọi khác: **P**), sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: 213, **ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 8/12; giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1962 (chết) và bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1964 (sống); vợ: **Trương Thị Kim H** (đã ly hôn); bị cáo có 01 người con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo **Bùi Hoàng A** bị bắt tạm giữ ngày 19/01/2023 và chuyển giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ **Công an huyện T**, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo:

1. **Phạm Thị A1**, sinh năm 1958. Nơi cư trú: **số E ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre** (có mặt).

2. **Trần Văn H1**, sinh năm 1945. Nơi cư trú: **số E ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre**;

Người đại diện theo uỷ quyền của ông **Trần Văn H1** (văn bản uỷ quyền ngày 18/3/2024): **Trần Văn N**, sinh năm: 1971. Nơi cư trú: **ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre** (có mặt).

3. **Trần Thị S**, sinh năm 1993. Nơi cư trú: **tổ A, ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang** (có mặt).

4. **Trần Thị Xiêm L**, sinh năm 1997. Nơi cư trú: **tổ A, ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang** (có mặt).

5. **Trần Thị Mỹ S1**, sinh năm 1997. Nơi cư trú: **tổ A, ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang** (có mặt).

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 00 phút, ngày 18/01/2023, **Bùi Hoàng A** tổ chức uống rượu, bia và hát karaoke tại sân nhà của mình ở **ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre** cùng với **Bùi Vũ P1** (anh ruột của **Hoàng A**) và một số người bạn. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, **Bùi Hoàng A** nhìn thấy ông **Trần Văn T1** đi bộ trên đường đơn theo hướng **ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre** về hướng **ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre** có biểu hiện say rượu nên **Hoàng A** rời khỏi bàn nhậu đi ra đường đơn gặp ông **T1** và hỏi “Cậu ba về được không Cậu ba”, ông **T1** không trả lời mà tiếp tục đi đến **ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre**, **Hoàng A** đi theo phía sau hỏi tiếp “Cậu ba về được không”, ông **T1** hỏi lại “Mày là thằng nào”, **Bùi Hoàng A** trả lời “con là thằng **P** (tức **Bùi Hoàng A**) nè”, ông **T1** nói “tao không cần mày đưa về”, rồi quay người lại đối diện, **T1** dùng tay phải đánh trúng mặt **Bùi Hoàng A**. Ngay lập tức, **Bùi Hoàng A** dùng tay phải đánh ông **T1** một cái trúng vào vùng mặt của ông **T1** làm ông **T1** té nằm xuống đường đơn, ông **T1** nói tiếp “mày ngon đánh tao đi”, **Hoàng A** liền xông đến, rồi ngồi xuống ngay đầu của ông **T1**, dùng tay trái nắm giữ tóc của ông **T1** còn tay phải nắm chặt lại tạo thành nắm đấm và dùng hết lực đánh từ trên xuống liên tiếp từ ba đến bốn cái vào mặt bên trái, cổ trái và sau gáy của ông **T1** cho đến khi ông **T1** nằm bất động thì **Hoàng A** bỏ đi về nhà phát hiện mu bàn tay phải có dính nhiều máu nên đi rửa và vào phòng nằm, khoảng 05 phút sau **Hoàng A** đi ra bờ dừa cách nhà khoảng 20m ngủ, đến khoảng 04 giờ 00 phút ngày 19/01/2023, **Hoàng**

A thức dậy đi vào nhà thì nghe tin ông Trần Văn T1 đã chết nên nhờ anh ruột là Bùi Văn P2 chở đến Công an xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre tự thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Quá trình khám nghiệm hiện trường thu giữ 01 đôi dép nam, loại dép quai kẹp màu đen; 01 thanh gỗ dài 0,5m, đường kính 04cm và một vết màu nâu nghi là máu. Thu giữ của Bùi Hoàng A 01 quần đùi màu đen có viền màu đỏ, lưng thun, mặt trước dưới ống quần bên phải có chữ PUMA, trên quần có vết nâu nghi là máu.

Kết quả xem dấu vết trên thân thể của Bùi Hoàng A, xác định: Vùng lưng trái có nhiều vết sây sát da, tập trung trên diện 18cm x 12cm; Mu bàn tay phải và đốt 1 ngón II, III, IV, V bị bầm tụ máu.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 12/TT ngày 01/02/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận ông Trần Văn T1 bị: Phù nề, sây sát da, bầm tụ máu vùng thái dương trái – chẩm trái – má trái; Giập, rách, xuất huyết vành tai trái; Giập, xuất huyết tổ chức dưới da, cơ vùng thái dương trái và chẩm trái; Sung huyết màng cứng; Tụ máu dưới màng cứng hai bán cầu đại não; Xuất huyết lan tỏa dưới màng mềm hai bán cầu đại não; Xuất huyết, tụ máu quanh cầu não và tiểu não; Giập nhu mô não thùy thái dương trái. Tụ máu trong nhu mô não thùy trái thái dương. Xác định ông Trần Văn T1 chết do chấn thương sọ não gây xuất huyết, tụ máu và dập nhu não.

Tại Công văn số 12/KTHS(Đ2) ngày 04 tháng 5 năm 2023, Phòng K1 Công an tỉnh B có nội dung liên quan đến tử vong của ông Trần Văn T1: “Thương tích dẫn đến tử vong: Phù nề, sây sát da, bầm tụ máu vùng thái dương trái – chẩm trái – má trái; Cơ chế hình thành thương tích: Thương tích nêu trên hình thành do tác động tương hỗ với vật tày, chiều hướng tác động từ trái sang phải gây ra; việc Bùi Hoàng A dùng tay đánh vào các vị trí tổn thương của Trần Văn T1 như lời khai thì gây ra được thương tích nêu trên”.

Tại bản Cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 04/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre để xét xử đối với bị cáo Bùi Hoàng A phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 60/2023/HS-ST ngày 14/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Bùi Hoàng A phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm d, e khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Bùi Hoàng A** 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/01/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 586 và 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo **Bùi Hoàng A** tiếp tục bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại **Trần Văn T1** chi phí đám tang 26.000.000 đồng.

Buộc bị cáo **Bùi Hoàng A** bồi thường tổn thất tinh thần cho bà **Phạm Thị A1** 20.000.000 đồng, ông **Trần Văn H1** 20.000.000 đồng, anh **Trần Thanh T2** 20.000.000 đồng, chị **Trần Thị S1** 20.000.000 đồng, chị **Trần Thị Xiêm L** 20.000.000 đồng, chị **Trần Thị Mỹ S1** 20.000.000 đồng.

Buộc bị cáo **Bùi Hoàng A** cấp dưỡng cho ông **Trần Văn H1** mỗi tháng 500.000 đồng, bà **Phạm Thị A1** mỗi tháng 500.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2023 đến khi ông **Trần Văn H1** và bà **Phạm Thị A1** qua đời.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ khi chậm thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/12/2023, người đại diện hợp pháp của bị hại là bà **Phạm Thị A1**, ông **Trần Văn H1**, chị **Trần Thị S1**, chị **Trần Thị Xiêm L** và chị **Trần Thị Mỹ S1** kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng:

- Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bị cáo **Bùi Hoàng A** phạm “Tội giết người”.
- Về trách nhiệm dân sự:
  - + Tăng mức bồi thường tổn thất tinh thần cho bà **Phạm Thị A1** và ông **Trần Văn H1**, mỗi người là 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.
  - + Tăng mức cấp dưỡng cho bà **Phạm Thị A1** và ông **Trần Văn H1** mỗi người mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm.
- Người đại diện hợp pháp bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị hại không thay đổi kháng cáo.
- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của Đại diện hợp pháp của bị hại làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án

cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Bùi Hoàng A** phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo **Bùi Hoàng A** 08 (tám) năm tù. Tại phiên tòa phúc thẩm, xét kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại về tội danh sang tội giết người là không phù hợp, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội đến cùng là không phù hợp, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 08 năm tù là tương xứng nên được giữ nguyên. Về yêu cầu tăng mức bồi thường tổn thất tinh thần và tăng cấp dưỡng, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đồng ý theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại nên được ghi nhận. Đề nghị căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại; sửa bản án sơ thẩm. Đề nghị tuyên bố bị cáo **Bùi Hoàng A** phạm “Tội cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 134; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Bùi Hoàng A** 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/01/2023. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 586 và 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo **Bùi Hoàng A** tiếp tục bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại **Trần Văn T1** chi phí đám tang 26.000.000 đồng. Buộc bị cáo **Bùi Hoàng A** bồi thường tổn thất tinh thần cho bà **Phạm Thị A1** là 35.000.000 đồng, ông **Trần Văn H1** là 35.000.000 đồng, anh **Trần Thanh T2** 20.000.000 đồng, chị **Trần Thị S1** 20.000.000 đồng, chị **Trần Thị Xiêm L** 20.000.000 đồng, chị **Trần Thị Mỹ S1** 20.000.000 đồng. Buộc bị cáo **Bùi Hoàng A** cấp dưỡng cho ông **Trần Văn H1** mỗi tháng 1.000.000 đồng, bà **Phạm Thị A1** mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2023 đến khi ông **Trần Văn H1** và bà **Phạm Thị A1** qua đời. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

- Bị cáo không tranh luận;
- Các đại diện hợp pháp của bị hại tranh luận đều cho rằng bị cáo phạm “Tội giết người”.
- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin lỗi gia đình bị hại, bị cáo yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo kết hợp với các chứng cứ của vụ án, có cơ sở xác định: Vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 18/01/2023, tại **ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre**, **Bùi Hoàng A** đã có hành vi dùng tay nắm đánh nhiều cái liên tục nhiều cái vào mặt, cổ và sau gáy làm ông **Trần Văn T1** chết tại hiện trường. Bị cáo cho rằng đánh giết ông **T1** do ông **T1** đánh bị cáo và thách thức bị cáo. Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 12/TT ngày 01/02/2023 của **Phòng K1 Công an tỉnh B**, kết luận ông **Trần Văn T1** chết do chấn thương sọ não gây xuất huyết, tụ máu và giập nhu não.

Đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo cho rằng bị cáo phạm “Tội giết người”, thấy rằng, khi thực hiện hành vi bị cáo không sử dụng hung khí mà sử dụng tay để đánh ông **T1**, phù hợp với Công văn số 12 ngày 04/5/2023 của **Phòng K1 Công an tỉnh B**, có nội dung: “Việc **Bùi Hoàng A** dùng tay đánh vào các vị trí tổn thương của **Trần Văn T1** như lời khai thì gây ra được thương tích trên”, về ý thức bị cáo không muốn đánh chết ông **T1**, nên không đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội giết người.

Từ những tình tiết nêu trên hành vi của bị cáo **Bùi Hoàng A** đã cấu thành “Tội cố ý gây thương tích”, hậu quả làm chết người.

Với ý thức, hành vi của **Bùi Hoàng A** và hậu quả đã xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Bùi Hoàng A** phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung “Làm chết người” là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại về trách nhiệm dân sự, thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đồng ý tăng bồi thường và tăng cấp dưỡng theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại được ghi nhận để bị cáo thực hiện.

Do vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại, sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Bị cáo, Người đại diện hợp pháp của bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do thay đổi việc bồi thường nên điều chỉnh án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại; sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 134; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm d, e khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Bùi Hoàng A (P)** 08 (tám) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày 19/01/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 586 và 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo **Bùi Hoàng A** tiếp tục bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại **Trần Văn T1** chi phí đám tang 26.000.000 (Hai mươi sáu triệu) đồng.

Buộc bị cáo **Bùi Hoàng A** bồi thường tổn thất tinh thần cho bà **Phạm Thị A1** 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng, ông **Trần Văn H1** 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng, anh **Trần Thanh T2** 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, chị **Trần Thị S1** 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, chị **Trần Thị Xiêm L** 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, chị **Trần Thị Mỹ S1** 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Buộc bị cáo **Bùi Hoàng A** cấp dưỡng cho ông **Trần Văn H1** mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng, bà **Phạm Thị A1** mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2023 đến khi ông **Trần Văn H1** và bà **Phạm Thị A1** qua đời.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 26 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo, Người đại diện hợp pháp của bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo **Bùi Hoàng A** phải chịu là 8.800.000 (Tám triệu tám trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND H. Thạnh Phú (3b);
- VKSND H. Thạnh Phú (1b);
- Công an H. Thạnh Phú (1b);
- CC THADS H. Thạnh Phú (1b);
- UBND xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Bị cáo (1b);
- Người ĐDHP của bị hại (5b)
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Tỉnh**